

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **136/2018/DS-ST**
Ngày: 5/3/2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bảo Lâm
2. Bà Nguyễn Thị Lương

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Cao Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 5 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 377/2017/TLST-DS ngày 7 tháng 11 năm 2017 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2018/QĐXXST-DS ngày 9 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2018/QĐST-DS ngày 5 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần V

Hội sở: Số nhà 198 đường Q, phường L, quận K, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nghiêm Xuân T – sinh năm 1969

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Nhiệt T1 – sinh năm 1977 (Có mặt)

Địa chỉ liên lạc: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V – Chi nhánh B, số 108 đường X, phường Y, quận W, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo văn bản ủy quyền số: 043/UQ-TBN-HCNS ngày 20/7/2017.

2. Bị đơn: Bà Trần Bạch Vân T2 – sinh năm 1976

Địa chỉ : Số nhà 343/48 đường N, Phường J, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Trần Bạch Vân T2 vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 3/10/2017 của Nguyên đơn - Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (sau đây gọi là Ngân hàng) cùng trình bày của ông Hồ Nhiệt T1 là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thì: Ngày 11/02/2010 bà Trần Bạch Vân T2 (sau đây gọi là Bị đơn) có yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế với hạn mức tín dụng đề nghị là 50.000.000đ. Theo yêu cầu của Bị đơn ngày 24/02/2010 giữa Ngân hàng và Bị đơn ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế với nội dung: Hạn mức thẻ: 50.000.000đ; Loại thẻ: Visa; Thời hạn sử dụng: 12 tháng; Tài sản đảm bảo: Không có tài sản đảm bảo. Từ tháng 2/2010 đến tháng 9/2011 Bị đơn đã sử dụng hết hạn mức thẻ, từ tháng 9/2011 Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 20/9/2011 Ngân hàng gửi thông báo nợ quá hạn và mời Bị đơn lên làm việc, ngày 8/11/2011 hai bên làm việc Bị đơn đề nghị trả dần trong 6 tháng nhưng đến nay Bị đơn vẫn không thực hiện, Ngân hàng đã chuyển khoản nợ của Bị đơn sang nợ xấu. Từ ngày 21/8/2014 đến nay Ngân hàng không tính lãi, phí đối với khoản nợ của Bị đơn, nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Bị đơn phải thanh toán ngay 122.424.215đ, trong đó: Nợ gốc: 44.755.537đ; Nợ lãi: 77.668.678đ.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập cho Bị đơn để tự khai; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng Bị đơn đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến và không tiến hành hòa giải giữa các bên đương sự được.

Tại phiên tòa hôm nay, Bị đơn vắng mặt.

Ông Hồ Nhiệt T1 là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng trình bày: Sau khi Ngân hàng và Bị đơn ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế thì Bị đơn đã rút 66.520.000đ tiền mặt và thanh toán mua hàng số tiền 35.987.380đ, Bị đơn đã thanh toán cho Ngân hàng 98.504.483đ, trong đó thanh toán nợ gốc là 57.751.843đ. Ngân hàng biết Bị đơn khó khăn về kinh tế nên từ ngày 21/8/2014 đến nay đã không tính lãi, phí phát sinh, nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Bị đơn phải thanh toán ngay 44.755.537đ nợ gốc và 77.668.678đ nợ lãi, phí.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã làm đúng quy định của pháp luật, xét xử đúng hạn luật định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật, người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa. Đề nghị Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng khởi kiện “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” yêu cầu Bị đơn có địa chỉ tại số: 343/48 đường N, Phường J, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh phải thanh toán tiền còn nợ theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế mà hai bên đã ký.

Căn cứ Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì thẩm quyền giải quyết yêu cầu của Ngân hàng thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về việc tham gia phiên tòa của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình: Trong vụ án này, Tòa án có thu thập chứng cứ bằng hình thức xác minh tình trạng cư trú của Bị đơn nên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn ông Hồ Nhiệt T1 có mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt (Biên bản tổng đạt Giấy triệu tập và Quyết định đưa vụ án ra xét xử ngày 12/01/2018 để tham gia phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 5/02/2018 và biên bản tổng đạt Giấy triệu tập, Quyết định hoãn phiên tòa ngày 7/02/2018 để tham gia phiên tòa lần thứ hai vào ngày 5/3/2018) nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Bị đơn theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Đối với yêu cầu Bị đơn phải thanh toán 44.755.537đ nợ gốc của Ngân hàng. Hội đồng xét xử xét thấy:

- Căn cứ yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế với hạn mức tín dụng đề nghị là 50.000.000đ ngày 11/02/2010 của Bị đơn và Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế giữa Ngân hàng và Bị đơn ngày 24/02/2010 thì ngày 24/02/2010 giữa

Bị đơn và Ngân hàng đã ký kết hợp đồng vay tài sản dưới hình thức sử dụng dịch vụ thẻ.

- Quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng cung cấp cho Tòa án Bảng liệt kê chi tiết quá trình phát sinh dư nợ và Sao kê tài khoản tín dụng thẻ của Bị đơn.

Theo đó, Bị đơn đã rút tiền mặt như sau: Ngày 27/4/2010 rút 10.000.000đ; Ngày 28/4/2010 rút 13.100.000đ; Ngày 12/5/2010 rút 3.000.000đ; Ngày 13/5/2010 rút 1.500.000đ; Ngày 16/5/2010 rút 5.000.000đ; Ngày 22/5/2010 rút 2.400.000đ; Ngày 30/5/2010 rút 1.020.000đ; Ngày 8/6/2010 rút 8.500.000đ; Ngày 11/6/2010 rút 1.000.000đ; Ngày 14/6/2010 rút 1.500.000đ; Ngày 12/8/2010 rút 10.000.000đ; Ngày 13/8/2010 rút 9.500.000đ. Tổng cộng: 66.520.000đ.

Ngoài ra, Bị đơn còn giao dịch chi tiêu như sau: Ngày 15/5/2010 chi tiêu 2.559.000đ; Ngày 22/5/2010 chi tiêu 567.700đ; Ngày 24/5/2010 chi tiêu 1.069.100đ; Ngày 14/6/2010 chi tiêu 3.054.985đ; Ngày 17/6/2010 chi tiêu 1.081.977đ; Ngày 20/6/2010 chi tiêu 2.138.940đ; Ngày 25/6/2010 chi tiêu 529.124đ; Ngày 28/6/2010 chi tiêu 663.770đ; Ngày 29/6/2010 chi tiêu 3.683.000đ; Ngày 01/7/2010 chi tiêu 355.725đ; Ngày 3/7/2010 chi tiêu 2.859.382đ; Ngày 5/7/2010 chi tiêu 2.485.620đ; Ngày 8/7/2010 chi tiêu 1.718.000đ; Ngày 12/7/2010 chi tiêu 1.550.000đ; Ngày 13/8/2010 chi tiêu 10đ; Ngày 20/9/2010 chi tiêu 2.000.000đ; Ngày 23/9/2010 chi tiêu 400.000đ; Ngày 15/10/2010 chi tiêu 2.000.000đ; Ngày 15/11/2010 chi tiêu 2.400.000đ; Ngày 16/01/2011 chi tiêu 371.047đ; Ngày 19/01/2011 chi tiêu 4.500.000đ. Tổng cộng: 35.987.380đ.

Bị đơn đã thanh toán cho Ngân hàng như sau: Ngày 3/5/2010 thanh toán 113.118đ; Ngày 5/5/2010 thanh toán 136.882đ; Ngày 6/5/2010 thanh toán 24.024.000đ; Ngày 5/6/2010 thanh toán 45.615đ; Ngày 3/8/2010 thanh toán 68.451đ; Ngày 11/8/2010 thanh toán 21.000.000đ; Ngày 14/9/2010 thanh toán 3.200.000đ; Ngày 16/9/2010 thanh toán 300.000đ; Ngày 13/10/2010 thanh toán 2.686.680đ; Ngày 3/11/2010 thanh toán 44.279đ; Ngày 11/11/2010 thanh toán 3.060.417đ; Ngày 3/01/2011 thanh toán 83.982đ; Ngày 11/01/2011 thanh toán 6.444.188đ; Ngày 7/02/2011 thanh toán 695.833đ; Ngày 4/4/2011 thanh toán 10.547đ; Ngày 02/11/2011 thanh toán 5.000.000đ; Ngày 25/5/2012 thanh toán 31.150.540đ; Ngày 15/7/2014 thanh toán 439.951đ. Tổng cộng: 98.504.483đ, trong đó thanh toán nợ gốc là 57.751.843đ.

Như vậy, Bị đơn đã rút tiền mặt và thanh toán chi tiêu là 102.507.380đ. Từ ngày 15/7/2014 Bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán, tính đến ngày 15/7/2014 Bị đơn đã thanh toán 57.751.843đ nợ gốc, nợ gốc còn lại là 44.755.537đ.

Quá trình giải quyết vụ án Bị đơn không có ý kiến gửi cho Tòa án và không đến Tòa án để giải quyết việc kiện của Ngân hàng đối với Bị đơn nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, buộc Bị đơn phải thanh toán cho Ngân hàng 44.755.537đ nợ gốc.

[5] Đối với yêu cầu Bị đơn phải thanh toán 77.668.678đ nợ lãi. Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế giữa Ngân hàng và Bị đơn đã ký ngày 24/02/2010 thì Bị đơn phải chịu lãi và phí khi thực hiện các giao dịch thẻ.

Căn cứ Bảng liệt kê chi tiết quá trình phát sinh dư nợ và Sao kê tài khoản tín dụng thẻ của Bị đơn do Ngân hàng cung cấp thì sau khi ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế Bị đơn đã rút tiền mặt, thanh toán chi tiêu và thanh toán cho Ngân hàng. Tính đến ngày 20/8/2014 Bị đơn còn nợ lãi và phí là 77.668.678đ, từ ngày 21/8/2014 đến nay Ngân hàng ngừng tính lãi và phí phát sinh đối với Bị đơn.

Xét thấy, từ ngày 21/8/2014 đến nay Ngân hàng đã không tính lãi và phí đối với Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế mà Bị đơn và Ngân hàng đã ký ngày 24/02/2010 là có lợi cho Bị đơn. Do đó, Tòa án chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng buộc Bị đơn phải thanh toán cho Ngân hàng 77.668.678đ nợ lãi và phí.

[6] Về thời hạn thanh toán: Tại phiên tòa Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng yêu cầu Bị đơn phải thanh toán ngay số nợ trên. Hội đồng xét xử xét thấy: Từ ngày 16/7/2014 đến nay Bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đã làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của Ngân hàng nên việc Ngân hàng yêu cầu Bị đơn phải thanh toán ngay khoản nợ trên là không trái quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng buộc Bị đơn phải thanh toán nợ ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[7] Về địa điểm thi hành án: Thi hành tại Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

[8] Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Bị đơn phải chịu 6.121.211đ án phí Dân sự sơ thẩm. Hoàn lại 3.060.605đ tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 21; Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 227; Khoản 1 Điều 273; Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 91; Điều 95 và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ vào Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn – Ngân hàng Thương mại Cổ phần V.

Buộc bà Trần Bạch Vân T2 có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V 122.424.215đ (Một trăm hai mươi hai triệu bốn trăm hai mươi bốn ngàn hai trăm mười lăm đồng), trong đó: Nợ gốc: 44.755.537đ; Nợ lãi, phí: 77.668.678đ theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 24/02/2010.

2/ Về thời hạn thi hành án: Ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3/ Về địa điểm thi hành án: Thi hành tại Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

4/ Trường hợp bà Trần Bạch Vân T2 chậm trả tiền thì bà Trần Bạch Vân T2 phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5/ Về án phí:

Án phí Dân sự sơ thẩm là 6.121.211đ (Sáu triệu một trăm hai mươi một ngàn hai trăm mười một đồng) do bà Trần Bạch Vân T2 chịu.

Hoàn lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần V 3.060.605đ (Ba triệu không trăm sáu mươi ngàn sáu trăm linh năm đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0007071 ngày 31/10/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

6/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

7/ Về quyền kháng cáo: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Trần Bạch Vân T2 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận :

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mai Hương